TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 110/2024/DS-PT
Ngày 16/4/2024
Về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Tự, bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 331/TBTL-TA ngày 11/12/2023 *"Tranh về thừa kế tài sản"* do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn:

1. Ông Dương Quang T, sinh năm 1962; địa chỉ: 4 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Lưu Đình P, sinh năm 1955; địa chỉ: 1 đường L, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quang T *và ông* Lưu Đình P *là* ông Nguyễn Thanh S (sinh năm 1973, địa chỉ nhà số G đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng) có mặt.

Bị đơn: ông Dương Thanh C, sinh năm 1955; địa chỉ: B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C *là* ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1995; địa chỉ: I đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C *là* Luật sư Nguyễn Thị Tuyết A, Đoàn Luật sư thành phố Đ, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị O, sinh năm 1961 (vợ ông Dương Thanh C); địa chỉ: B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, bà O ủy quyền cho ông C, ông C là bị đơn trong vụ án có mặt.

2. Ông Lưu Đình Q, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

3. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1947; địa chỉ: số G đường P, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

4. Bà Lưu Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: số A đường P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

5. Ông Lưu Vĩnh Q1, sinh năm 1985; địa chỉ: số F đường P, K, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; địa chỉ: C đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Ông Dương Thanh S1, sinh năm 1981; địa chỉ: số C đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Bà Dương Ngọc T2, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E đường số I, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

9. Bà Dương Thanh T3, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A đường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

10. Bà Dương Xuân T4, sinh năm 1968;

11. Ông Dương Mạnh H1, sinh năm 1973;

Bà T4 và ông H1 cùng địa chỉ: số F ngõ V, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Đình Q*, bà* Lưu Thị H*, bà* Lưu Thị N*, ông* Lưu Vĩnh Q1*, bà* Nguyễn Thị M*, ông* Dương Thanh S1*, bà* Dương Ngọc T2*, bà* Dương Thanh T3*, bà* Dương Xuân T4*, ông* Dương Mạnh H1 *là* ông Dương Quang T (là đồng nguyên đơn trong vụ án), ông T có mặt.

12. Ông Nguyễn Duy T5, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

13. Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1988;

14. Bà Nguyễn Thị Xuân T6, sinh năm 1992;

15. Ông Nguyễn Duy T7, sinh năm 1995;

Ông K, bà T6 và ông T7 cùng địa chỉ: Số A đường L, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy T5*, ông* Nguyễn Duy K*, bà* Nguyễn Thị Xuân T6*, ông* Nguyễn Duy T7 *là* ông Lưu Đình P (ông P là đồng nguyên đơn trong vụ án), có mặt.

16. Ông Lưu Đình D, sinh năm 1965; địa chỉ: A, J, S: CA 95121, USA *(Hoa Kỳ)*. *Đại diện theo ủy quyền của ông* Lưu Đình D *là* ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975; địa chỉ: số G đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

17. Ông Dương Thanh T8, sinh năm 1961; địa chỉ: B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Đại diện theo ủy quyền của ông* T8 *là* ông Dương Thanh C đồng thời là bị đơn trong vụ án, có mặt.

18. Ông Dương Thanh T9, sinh năm 1966; địa chỉ: B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Đại diện theo ủy quyền của ông* T9 *là* ông Lê Văn C1, sinh năm 1955; địa chỉ: B đường H, khu N, thị trấn Á, huyện Đ, Quảng Nam, có mặt.

19. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1942 *(chết năm 2020)*; địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;

20. Ông Dương Thanh H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Số H P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

21. Bà Dương Thị Thanh L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số C, Tổ B, khối phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

22. Ông Dương Thanh P1, sinh năm 1967;

23. Ông Dương Thanh H3, sinh năm 1969;

24. Bà Dương Thị Thanh L1, sinh năm 1971;

25. Ông Dương Thanh D1, sinh năm 1973;

26. Ông Dương Thanh K1, sinh năm 1975;

Ông P1, ông H4, ông D1, ông K1 cùng địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;

27. Bà Dương Thị Thanh T10, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Các ông, bà Dương Thanh H2, Dương Thị Thanh L, Dương Thanh P1, Dương Thanh H3, Dương Thị Thanh L1, Dương Thanh D1, Dương Thanh K1, Dương Thị Thanh T10 đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N1. *Đại diện theo ủy quyền của bà* Dương Thị Thanh L*, ông* Dương Thanh P1*, ông* Dương Thanh H3*, bà* Dương Thị Thanh L1*, ông* Dương Thanh D1*, ông* Dương Thanh K1*, bà* Dương Thị Thanh T10 *là ông* Dương Thanh H2 (sinh năm 1966; địa chỉ: H P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước), có mặt.

28. Bà Dương Diễm H5, sinh năm 1987;

29. Ông Khổng Tuấn N2, sinh năm 1988;

Bà H5, ông N2 cùng địa chỉ: Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Đại diện theo ủy quyền của bà* Dương Diễm H5 *và ông* Khổng Tuấn N2 *là* ông Dương Thanh C (là đồng nguyên đơn trong vụ án), có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Huỳnh Thị H6, sinh năm 1950.

Địa chỉ: C đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Ông Lưu Khánh P2, sinh năm 1954; địa chỉ: Số I đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3. Ông Hà Văn N3, sinh năm 1963; địa chỉ: Số E đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn ông* Dương Quang T *và ông* Lưu Đình P *trình bày:*

Cố Dương Phát Huy *(chết năm 1962)* và cố Nguyễn Thị T11 *(tên gọi khác là* Nguyễn Thị H7*, chết năm 1984)* không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 05 con gồm: cụ Dương Thị Đ *(chết năm 2015);* cụ Dương Minh V *(chết năm*

2004); cụ Dương T12 *(chết năm 2010);* cụ Dương Thị M1 *(chết năm 2017) và* cụ Dương Thị M2 *(chết năm 2009);* cụ M1 và cụ M2 không có chồng, con. Ông Dương Quang T (nguyên đơn trong vụ án) là con cụ Dương Minh V; ông Lưu Đình P (nguyên đơn trong vụ án) là con cụ Dương Thị Đ; ông Dương Thanh C (bị đơn trong vụ án) là con cụ Dương T12.

Vợ chồng cố H8, cố T11 tạo lập và sinh sống đến khi chết tại nhà và đất địa chỉ 23 đường T *(cũ là 23* T) phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, diện tích 156,7m^2. Sau khi cố H8 và cố T11 chết, cụ Dương Thị M1 và cụ Dương Thị M2 quản lý và sử dụng nhà đất của cha mẹ. Trước khi chết, cụ Dương Minh V làm Giấy uỷ quyền cho con (ông Dương Quang T) về mở thừa kế, xử lý tài sản là nhà và đất của cố H8, cố T11; còn các cụ Đ, T12, M2 và M1 cũng đã bàn bạc chia tài sản của cố H8, cố T11 để lại với ý nguyện trích một phần di sản mua đất xây dựng nhà thờ ông, bà tổ tiên, phần còn lại chia làm 03 phần cho cụ Đ, cụ V và cụ T12. Ngày 01/12/2011, cụ Dương Thị M1 làm đơn xin phường M, thành phố H xác nhận nhà đất là di sản của cha mẹ, được UBD phường M xác nhận. Ngày 05/4/2004, cụ Dương T12 ủy quyền cho ông Dương Thanh H9 (con trai trưởng của cụ T12) thay mặt cụ T12 bán hoặc nhận kỷ phần mà cụ T12 được hưởng, nhưng sau đó ông H9 chết. Căn nhà của cố H8, cố T11 do cụ M1 và cụ M2 quản lý và sử dụng, còn cụ Đ có gia đình về ở nhà chồng, cụ V thoát ly tham gia cách mạng; còn cụ T12 vào năm 1964 đã chuyển đi ở chỗ khác, để lại 04 người con là Dương Thanh H9, Dương Thanh C, Dương Thanh T8 và Dương Thanh T9 cho cố T11, cụ M1 và cụ M2 nuôi dưỡng, nên những người này mới có hộ khẩu chung với cụ M1 và cụ M2. Lúc còn sống, cụ M2 nộp đầy đủ thuế, phí cho Nhà nước đến khi cụ M2 chết năm 2009; sau năm 2009, nhà đất do gia đình ông Dương Thanh C quản lý, sử dụng nên các đồng thừa kế nhiều lần yêu cầu chia thừa kế theo ý nguyện của những người đã chết, nhưng ông C không đồng ý.

Ngày 10/01/2020, tổ chức họp gia đình có sự tham gia của ông Lưu Đình Q (con trai trưởng cụ Đ), ông Dương Quang T (con trai trưởng cụ Dương Minh V), con trai trưởng của cụ Dương T12 đã chết nên có các con trai thứ là ông Dương Thanh C, ông Dương Thanh T8, ông Dương Thanh T9 và có thêm ông ông Dương Thanh H2 *(con trai trưởng của vợ hai cụ* Dương T12*)*. Biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020, được Văn phòng C2 chứng thực, nội dung thống nhất sẽ mở thừa kế để chuyển nhượng nhà đất của cố H8, cố T11, tiền chuyển nhượng trước hết trích dùng mua một thửa đất làm nhà thờ giao cho ông Dương Quang T (cháu đích tôn của cố H8, cố T11) đứng tên đại diện quản lý, số tiền còn lại chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Sau khi họp gia đình, các đồng thừa kế yêu cầu ông Dương Thanh C giao giấy tờ nhà đất để tiến hành làm thủ tục mở thừa kế, nhưng ông C không thực hiện nên nay các đồng thừa kế của cố H8, cố T11 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của cố H8 và cố T11 là nhà và đất tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12, diện tích 156,7m^2 *(qua đo đạc thực tế là 153,4m^2)* tại 23 đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn ông Dương Quang T có

nguyện vọng nhận thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ nhà và đất, ông T sẽ thanh toán giá trị kỷ phần bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

Đối với yêu cầu của bị đơn Dương Thanh C và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị O (vợ ông C) về tính công sức đóng góp, bảo quản, gìn giữ di sản làm tăng giá trị di sản thì nguyên đơn không đồng ý vì con cháu nội, ngoại vẫn thường xuyên về cúng giỗ ông bà; sau khi ông C kết hôn năm 1984 thì không ở tại nhà của cố H8, cố T11 mà ở nhà riêng tại 5 đường P, phường M, thành phố H cho đến năm 1990 bán nhà chuyển vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009, khi cụ Dương Thị M2 chết thì bà O, ông C mới về sinh sống tại nhà số B đường T, thành phố H đến nay; nhà đất của hai cố chỉ có 02 người em của ông C là ông T8 và ông T9 ở đó từ nhỏ đến lớn; việc tu bổ hoặc tôn tạo nhà ở phố cổ đều phải có sự cho phép của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chỉ có 01 lần tu bổ duy nhất vào năm 2019.

***** *Bị đơn ông* Dương Thanh C *trình bày:*

Thống nhất về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày. Lúc sinh thời, ông, bà nội là cố Dương Phát Huy, cố Nguyễn Thị T11 có tạo lập được nhà và đất tại 23 đường T, phường M, thành phố H, nhưng sau khi xây dựng nhà, cố H8 giao cho cha ông C là cụ Dương T12 có nghĩa vụ đóng thuế thổ trạch hằng năm. Sau năm 1975, vì hoàn cảnh khó khăn, cha ông C vào Lâm Đồng làm kinh tế mới, ông C cùng với 02 em của ông C là Dương Thanh T8 và ông Dương Thanh T9 sống cùng bà nội và 02 cô là Dương Thị M2 và Dương Thị M1. Cô Dương Thị M2 và cô Dương Thị M1 đều không có chồng con, ở chung với ông C nên đều do ông C phụng dưỡng đến cuối đời. Việc thờ cúng tổ tiên mấy chục năm nay đều do ông C chịu trách nhiệm, không ai đóng góp. Năm 1984, cố T11 chết, ông C kết hôn nên mọi việc trong nhà do cô M2 đảm nhiệm, ông C vẫn là người nộp thuế nhà đất. Từ năm 1985 đến nay, gia đình ông C và 2 em ông C là 3 thế hệ sinh sống tại nhà Đ đường T, thành phố H và do nhà xuống cấp phải sửa chữa nhiều lần, năm 2019 nhà có nguy cơ sụp đổ nguy hiểm nên ông C phải xây dựng lại nhà kiên cố.

Ngày 10/01/2020 ông C và 2 em có tham gia, ký Biên bản cuộc họp gia đình, nhưng thiếu thành phần tham gia là những người được thừa kế. Hình thức Biên bản được lập ở nhà nhưng ghi lập tại Văn phòng C2, công chứng viên chỉ chứng thực chữ ký, không chứng thực nội dung. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ông C không đồng ý vì nhà đất tại B đường T là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ông C và thời hiệu khởi kiện đã hết; trường hợp Tòa án chia thừa kế đề nghị giao nhà đất cho vợ chồng ông C, ông C sẽ thối trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác, đề nghị tính công sức bảo quản, tôn tạo, giữ gìn, thờ cúng, sửa chữa nhà và đóng thuế đối với di sản thừa kế, chi phí chăm sóc cô M2 khi đau ốm cho vợ chồng ông C, tương ứng 40% trị giá di sản thừa kế. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đồng ý giao nhà đất cho ông T quản lý, sử dụng, thanh toán kỷ phần, thống nhất kết quả định giá về giá đất, không thống nhất về giá trị các tài sản gắn liền với đất, nhưng không yêu cầu định giá lại, yêu cầu ông T thanh toán giá trị tu bổ, sửa chữa nhà với số tiền 1.000.000.000 đồng và trích công sức quản lý, tôn tạo di sản cho vợ chồng ông C bằng 01 kỷ phần thừa kế.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Dương Thanh T9 *trình bày:*

Ông T9 và ông Dương Thanh H9, ông Dương Thanh C, ông Dương Thanh T8 là 04 anh em đã cùng sống chung tại địa chỉ B T, thành phố H từ nhỏ, ông Dương Thanh H9 được cha là cụ Dương T12 làm Giấy ủy quyền sau này thay mặt giải quyết một phần nhà cửa mà ông T12 được hưởng, nhưng ông H9 đã chết. Ông T9 không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng ông Dương Thanh C đòi hưởng công sức quản lý, tôn tạo di sản bằng 01 kỷ phần thừa kế vì ông C kết hôn với bà O năm 1984 sau đó đã có nhà riêng tại 5 đường P, phường M, thành phố H, do được gia đình bên vợ mua cho và đã ở ổn định đến đầu năm 1990 mới bán và đưa vợ, con về ở cùng với 2 cô là cụ M2 và cụ M1 tại 23 T; cuối năm 1990, vợ chồng ông C vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống gần 10 năm mới về lại H. Ngày 20/11/2009, cô Dương Thị M2 chết, sau đó vợ chồng ông C mới chính thức dọn về ở. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng ông C sử dụng toàn bộ mặt tiền ngôi nhà để buôn bán các loại nước giải khát và đồ ăn tại nhà phục vụ cho khách du lịch mà không chia lợi nhuận cho ông T9. Ông T9 đồng ý với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị tính công quản lý, tôn tạo di sản cho ông T9, vì thực tế ông C không sống ở đó liên tục nên ông T9 mới là người trực tiếp quản lý và tôn tạo di sản, đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho ông T9.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Dương Thanh T8 *trình bày:*

Từ trước năm 1985 đến nay, ông Dương Thanh T8, ông Dương Thanh C và ông Dương Thanh T9 sống cùng với cụ Dương Thị M2, cụ Dương Thị M1 tại nhà Đ đường T, năm 1984 ông C kết hôn cũng ở tại đây. Năm 1985 cụ M2, cụ M1 già yếu vợ chồng ông C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi hai cụ chết lo tang lễ, thờ cúng và tôn tạo nhà, đóng thuế. Ông T8 và ông T9 tham gia chiến tranh trở về bệnh tật, không kết hôn và không có tiền nên không phụ giúp được gì cho vợ chồng ông C. Nay các đồng thừa kế khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, thì đề nghị Tòa án trích 01 kỷ phần thừa kế cho công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo di sản cho ông C, đề nghị giao toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông C, thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế, ông T8 xin nhận kỷ phần và sẽ sống chung với vợ chồng ông C.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Lưu Đình Q*, bà* Lưu Thị H*, ông* Lưu Đình D*, bà* Lưu Thị N *(con vợ chồng cụ* Dương Thị Đ*)* thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh* Lưu Vĩnh Q1 *trình bày cha mẹ anh* Q1 *là* ông Lưu Đình Đ1 *(chết năm 2007)* và bà Phan Thị L2 có mình anh Q1 là con, anh Q1 thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm* Nguyễn Duy T7, Nguyễn Thị Xuân T6, Nguyễn Duy T5, Nguyễn Duy K *trình bày:* Cha, mẹ các Anh Chị là bà Lưu Thị T13 *(chết năm 2011)* và ông Nguyễn Đình R có 04 con là các Anh Chị, các Anh Chị thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị* Dương Ngọc T2 *và chị* Dương Thanh T3 *trình bày:* Ông nội của các chị là cụ Dương T12 *(chết năm*

2014), có 02 đời vợ, sinh được 12 người con, vợ trước là cụ Khưu Thị Xuân s được 04 người con gồm Dương Thanh H9, Dương Thanh T8, Dương Thanh C, Dương Thanh T9; vợ sau là cụ Nguyễn Thị N1, sinh được 08 người con, gồm: Dương Thanh H2, Dương Thị Thanh T10, Dương Thị Thanh L1, Dương Thanh K1, Dương Thanh D1, Dương Thanh H3, Dương Thanh P1 và Dương Thị Thanh L. Cha mẹ các chị là ông Dương Thanh H9 và bà Trần Thị Yến M3, các chị thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Dương Thanh H2, Dương Thị Thanh T10, Dương Thị Thanh L1, Dương Thanh K1, Dương Thanh D1, Dương Thanh H3, Dương Thanh P1 *và* Dương Thị Thanh L *trình bày: Các ông bà là con vợ chồng cụ* Dương T12 và cụ Nguyễn Thị N1 *(đều đã chết)*, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ* Nguyễn Thị M *và ông* Dương Thanh S1 *trình bày:* Năm 1977, cụ M sống chung với cụ Dương Minh V *(chết năm 2004)* có 01 con là ông Dương Thanh S1. Nay cụ M và ông S1 thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Dương Mạnh H1 *trình bày:* Vợ chồng cụ Dương Minh V, cụ Nguyễn Thị L3 *(chết năm 2007) sinh được* 03 con là Dương Quang T, Dương Xuân T4 và Dương Mạnh H1; sau đó, cụ V vào S sinh sống kết hôn với cụ Nguyễn Thị M sinh 01 con là ông Dương Thanh S1. Ông H1 thống nhất với trình bày và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Trần Thị O *(vợ ông* Dương Thanh C*)* thống nhất với trình bày và đề nghị của ông C (bị đơn)

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 39, 92, 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 4, 5, 24, 25, 26 và 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; các Điều 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 41/2021/AL1 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 12, 14, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X*:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang T*, ông* Lưu Đình P *đối với bị đơn ông* Dương Thanh C *về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.*

Xác định quyền sử dụng diện tích đất 153,4m^2 và các tài sản gắn liền với đất (gồm: nhà chính có tổng diện tích 133,22m^2 (76,86m^2 + 56,36m^2), khu vệ sinh 1: diện tích 2,56m^2, khu vệ sinh 2: diện tích 2,53m^2, 01 cái giếng đường kính 01m, tường xây gạch 0,95m^3) thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *là di sản thừa kế do cụ* Dương Phát H10 *và cụ* Nguyễn Thị T11 *để lại.*

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Dương Phát H10 *và cụ* Nguyễn Thị T11*, gồm: quyền sử dụng diện tích đất 153,4m^2 và các tài sản*

gắn liền với đất (gồm: nhà chính có tổng diện tích 133,22m^2 (76,86m^2 + 56,36m^2), khu vệ sinh 1: diện tích 2,56m^2, khu vệ sinh 2: diện tích 2,53m^2, 01 cái giếng đường kính 01m, tường xây gạch 0,95m^3) thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Giao cho ông Dương Quang T *được nhận quyền sử dụng diện tích đất 153,4m^2 và sở hữu các tài sản gắn liền với đất (gồm: nhà chính có tổng diện tích 133,22m^2 (76,86m^2 + 56,36m^2), khu vệ sinh 1: diện tích 2,56m^2, khu vệ sinh 2: diện tích 2,53m^2, 01 cái giếng đường kính 01m, tường xây gạch 0,95m^3) thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại* Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *(có Mảnh trích đo địa chính số 01-2022 kèm theo).*

Buộc ông Dương Quang T *có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho những người sau đây:*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh T8*, ông* Dương Thanh T9 *công sức quản lý, tôn tạo di sản, mỗi người số tiền 209.168.000 (Hai trăm lẻ chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho bà* Nguyễn Thị M *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 794.841.000 (Bảy trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh S1*, bà* Dương Xuân T4*, ông* Dương Mạnh H1 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 1.059.788.000 (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh C*, ông* Dương Thanh T8*, ông* Dương Thanh T9 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 672.558.000 (Sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh H2*, ông* Dương Thanh P1*, ông* Dương Thanh H3*, ông* Dương Thanh D1*, ông* Dương Thanh K1*, bà* Dương Thị Thanh L1*, bà* Dương Thị Thanh L*, bà* Dương Thị Thanh T10 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 723.509.000 (Bảy trăm hai mươi ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho bà* Dương Ngọc T2*, bà* Dương Thanh T3 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 203.806.000 (Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Lưu Đình Q*, bà* Lưu Thị H*, bà* Lưu Thị N*, ông* Lưu Đình P*, ông* Lưu Đình D *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 1.021.938.000 (Một tỷ không trăm hai mươi mốt triệu chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Lưu Vĩnh Q1 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng số tiền 756.991.000 (Bảy trăm năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Nguyễn Duy T5*, ông* Nguyễn Duy K*, bà* Nguyễn Thị Xuân T6*, ông* Nguyễn Duy T7 *giá trị phần di sản thừa kế được hưởng, mỗi người số tiền 189.248.000 (Một trăm tám mươi chín triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn) đồng;*

Buộc ông Dương Thanh C*, bà* Trần Thị O*, bà* Dương Diễm H5*, ông* Khổng Tuấn N2*, ông* Dương Thanh T9*, ông* Dương Thanh T8 *giao quyền sử dụng diện tích đất 153,4m^2 và các tài sản gắn liền với đất (gồm: nhà chính có tổng diện tích 133,22m^2 (76,86m^2 + 56,36m^2), khu vệ sinh 1: diện tích 2,56m^2, khu vệ sinh 2: diện tích 2,53m^2, 01 cái giếng đường kính 01m, tường xây gạch 0,95m^3) thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại* Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *cho ông* Dương Quang T *sở hữu, sử dụng. Thời hạn chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông* Dương Thanh C*, bà* Trần Thị O*, bà* Dương Diễm H5*, ông* Khổng Tuấn N2*, ông* Dương Thanh T9*, ông* Dương Thanh T8 *phải bàn giao quyền sử dụng diện tích đất 153,4m^2 và các tài sản gắn liền với đất nêu trên, thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 12 tại* Số B đường T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam *cho ông* Dương Quang T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị O.

Buộc ông Dương Quang T *có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho những người sau đây:*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh C*, bà* Trần Thị O*, bà* Dương Diễm H5*, ông* Khổng Tuấn N2 *giá trị các tài sản gắn liền với đất số tiền 114.783.000 (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng;*

- *Thanh toán cho ông* Dương Thanh C*, bà* Trần Thị O *công sức quản lý, tôn tạo di sản với số tiền 627.506.000 (Sáu trăm hai mươi bảy triệu năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng.*

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: nguyên đơn ông Dương Quang T *tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 47.469.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn) đồng (ông* T *đã nộp xong).*

5. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Quang T*, ông* Lưu Đình P*, ông* Dương Thanh C*, ông* Lưu Đình Q*, bà* Lưu Thị H*, bà* Lưu Thị N*, bà* Nguyễn Thị M*, ông* Dương Thanh T8*, bà* Trần Thị O *được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông* Dương Thanh T9 *phải chịu số tiền 38.451.000 (Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn) đồng; các ông, bà:* Dương Thanh S1, Dương Xuân T4, Dương Mạnh H1*, mỗi người phải chịu số tiền 43.793.000 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn) đồng; các ông, bà:* Dương Thanh H2, Dương Thanh P1, Dương Thanh H3, Dương Thanh D1, Dương Thanh K1, Dương Thị Thanh L1, Dương Thị Thanh L, Dương Thị Thanh T10*, mỗi người phải chịu số tiền 32.940.000 (Ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn) đồng; các bà:* Dương Ngọc T2, Dương Thanh T3*, mỗi người phải chịu số tiền 10.190.000 (Mười triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng; ông* Lưu Đình D *phải chịu số tiền 42.658.000 (Bốn mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn) đồng; ông* Lưu Vĩnh Q1 *phải chịu số tiền 34.279.000 (Ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn) đồng; các ông, bà:* Nguyễn Duy T5, Nguyễn Duy K, Nguyễn Thị Xuân T6, Nguyễn Duy

T7*, mỗi người phải chịu số tiền 9.462.000 (Chín triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.*

Hoàn trả lại cho ông Dương Quang T *số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010155 ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 31/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn kháng cáo của bị đơn (ông Dương Thanh C) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thanh T8, bà Trần Thị O, vợ chồng anh Khổng Tuấn N2, chị Dương Diễm H5 (anh N2 và chị H5 là con rể, con gái của vợ chồng ông Dương Thanh C) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa xem xét đánh giá toàn diện, khách quan các vấn đề: + Đại gia đình ông C gồm 7 thành viên, 3 thế hệ từ nhiều năm nay đã sinh sống ổn định tại nhà đất 23 T là nơi ở duy nhất nên đề nghị cho đại gia đình ông C được nhận nhà đất, thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế; + Căn nhà gia đình xây dựng năm 2019 với chi phí 800.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thẩm định, định giá nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

- Ngày 12/9/2023, nguyên đơn (ông Dương Quang T) kháng cáo cho rằng các con cháu trong họ đã thống nhất tại cuộc họp gia đình ngày 10/01/2020 trích ra 1 khoản tiền từ di sản của ông bà mua một khu đất làm nhà thờ; do đó, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm trích 2 tỷ đồng từ di sản để mua đất làm nhà thờ, còn lại chia thành 3 kỷ phần cho cụ Dương Thị Đ, cụ Dương Minh V và cụ Dương T12 (vì 2 cụ Dương Thị M1, Dương Thị M2 không có chồng con và đã chết).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo;
- Nguyên đơn rút kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thiếu căn nhà 2 tầng phía sau; do đó, đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đi xem xét thực tế.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ông Dương Quang T (nguyên đơn) rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét kháng cáo của ông T. Tại phiên tòa ông Dương Thanh C (ông C là đại diện cho vợ và các con, đại diện cho ông Dương Thanh T8) và ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền cho ông C trình bày kháng cáo và bổ sung nội dung kháng cáo: + Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét đại gia đình ông C và gia đình ông Dương Thanh T8 gồm 7 thành viên với 3 thế hệ từ nhiều năm nay sinh sống ổn định tại nhà đất 23 T và là nơi ở duy nhất nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao nhà đất cho ông C, ông C sẽ thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác; + Căn nhà 2 tầng vợ chồng ông C xây dựng năm 2019 với chi phí 800.000.000 đồng, nhưng Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Chứng thư Thẩm định giá số 2398/QVC-CTTĐG ngày 24/5/2023 của Công ty Cổ phần T14 không ghi nhận căn nhà 2 tầng này nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để thẩm định, định giá lại nhà đất; + Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng ông C bằng 3 % trị giá di sản là quá thấp, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm trích công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho vợ chồng ông C bằng 01 kỷ phần thừa kế.

[2] Về kháng cáo xin nhận hiện vật, cấp phúc thẩm xét thấy quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, lúc đầu ông Dương Thanh C không đồng ý chia thừa kế nhà đất tại B đường T, phường M, thành phố H vì đây là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ông C, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông C đồng ý chia thừa kế, đồng ý giao nhà đất cho ông Dương Quang T (nguyên đơn) quản lý, sử dụng để ông T thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế (bút lục 655, 658) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao nhà đất cho ông T, buộc ông T thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế; do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông C.

[3] Về kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để thẩm định, định giá lại nhà đất tranh chấp vì cho rằng việc thẩm định, định giá thiếu căn nhà 2 tâng trên đất, cấp phúc thẩm xét thấy tại *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* và *Biên bản định giá tài sản* do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam chủ trì lập ngày 20/01/2022, có sự tham gia của đại diện Sở T15; đại diện Sở X1; đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q; đại diện Chính quyền địa phương; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam; ông Dương Thanh Cường và các đương sự khác, đã ghi nhận hiện trạng nhà và đất tranh chấp tại 23 đường T gồm nhà chính 2 tầng, tường xây và các công trình phụ, tất cả những người tham gia nhất trí ký tên vào *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* và *Biên bản định giá tài sản* (bút lục 392-397). Ngày 15/02/2023 đại diện của Nguyên đơn có Đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu tiến hành thẩm định lại giá trị nhà và đất hiện có tại 23 T vì cho rằng kết quả định giá lần trước là thấp (bút lục 497). Tại *Chứng thư Thẩm định giá số 2398/QVC-CTTĐG* ngày 24/5/2023 của Công ty Cổ phần T14 ghi nhận hiện trạng nhà đất tại B T gồm nhà ở chính 2 tầng, tường xây và các công trình phụ, kèm theo là hình

ảnh chụp thực tế (bút lục 514-521). Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/7/2023 bị đơn ông Dương Thanh C và người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thanh C là ông Nguyễn Văn T1 có mặt, sau khi được kiểm tra, tiếp cận công khai hồ sơ vụ án thì đều không có ý kiến về việc *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* và *Biên bản định giá tài sản* ngày 20/01/2022 và *Chứng thư Thẩm định giá số 2398/QVC-CTTĐG* ngày 24/5/2023 thiếu tài sản trên đất mà thống nhất ký Biên bản (bút lục 538-541 và trước đó ông Dương Thanh C và ông Nguyễn Văn T1 cũng đã ký Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/3/2023, từ bút lục 493-496). Tại phiên tòa sơ thẩm, khi trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử: *"Tổng diện tích ngôi nhà trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ có bằng diện tích ngôi nhà thực tế không?"* thì ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền cho ông Dương Thanh C trả lời: *"Bằng nhưng không phân chia cụ thể nhà trước, nhà sau"* (bút lục 655b) và khi Viện kiểm sát hỏi: *"Ông có đề nghị thẩm định, định giá lại không"* thì ông Nguyễn Văn T1 trả lời: *"Tôi chỉ trình bày ý kiến, không đề nghị thẩm định, định giá lại"* (bút lục 658); với tài liệu, chứng cứ và diễn biến tố tụng nêu trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông C và đại diện cho ông C là ông T1 về đề nghị hủy bản án sơ thẩm để thẩm định, định giá lại nhà đất tranh chấp.

[4] Về kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, trích công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho vợ chồng ông C bằng 01 kỷ phần thừa kế, cấp phúc thẩm xét thấy sau khi cố Dương Phát H10 và cố Nguyễn Thị T11 chết, cụ Dương Thị M2, cụ Dương Thị M1 cùng với vợ chồng ông Dương Thanh C (vợ là bà Trần Thị O), ông Dương Thanh T9 và ông Dương Thanh T8 sinh sống tại nhà đất 23 T. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C thừa nhận vợ chồng ông C không sinh sống liên tục tại nhà đất 23 T mà từ năm 1986 - 1991, sống tại 5 P, thành phố H, từ năm 1991 - 1996 chuyển vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1996 mới quay về sinh sống tại B T; hơn nữa, lời khai của các đương sự, lời khai của những người làm chứng đều thể hiện khi còn sống cụ M2, cụ M1 là người giữ vai trò chính trong quản lý, tôn tạo di sản, cụ M2 là người kê khai, đăng ký đối với thửa đất theo Nghị định 60-CP của Chính phủ; còn vợ chồng ông Dương Thanh C, ông Dương Thanh T9 và ông Dương Thanh T8 chỉ là người sống cùng cụ M2, cụ M1; mặt khác, đến năm 2009 cụ M2 mới chết và đến năm 2017 cụ M1 mới chết và tổng giá trị di sản lên đến 21 tỷ đồng là rất lớn; vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức quản lý, tôn tạo di sản cho vợ chồng ông C bằng 3% giá trị di sản, cho ông T9, ông T8 mỗi người bằng 1% giá trị di sản là có lý, có tình, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[5] Các phần nhận định quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xét. Vợ chồng ông Dương Thanh C, ông Dương Thanh T8 và ông Dương Quang T kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; ông Khổng Tuấn N2 và vợ là bà Dương Diễm H5 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 5, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Dương Quang T, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự khác, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Khổng Tuấn N2 và bà Dương Diễm H5 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo các Biên lai thu số 0000594, số 0000595 cùng ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân